

định đặt ngân hàng thương mại vào tình trạng kiểm soát đặc biệt và kết thúc kiểm soát đặc biệt theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng, theo phương án kiểm soát đặc biệt đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đối với trường hợp ngân hàng thương mại có nguy cơ mất khả năng thanh toán.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát đặc biệt; trách nhiệm của ngân hàng được kiểm soát đặc biệt, thực hiện theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và văn bản hướng dẫn của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

3. Trong trường hợp cấp bách, để bảo đảm khả năng chi trả tiền gửi của khách hàng, ngân hàng thương mại có thể được tổ chức tín dụng khác hoặc Ngân hàng Nhà nước cho vay đặc biệt; khoản cho vay đặc biệt này sẽ được ưu tiên hoàn trả trước tất cả các khoản nợ khác của ngân hàng thương mại. Việc cho vay, thu nợ thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

#### Chương VI

### ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

**Điều 65.** Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký. Những quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chịu trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Nghị định này.

**Điều 66.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ  
Thủ tướng

PHAN VĂN KHÁI

## CÁC BỘ

### BỘ TÀI CHÍNH

#### **THÔNG TƯ số 89/2000/TT-BTC ngày 28/8/2000 hướng dẫn thi hành Nghị định số 49/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán.**

Thi hành Nghị định số 49/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể như sau:

#### I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

##### 1. Vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán.

Vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán là những hành vi của cá nhân hoặc tổ chức đã cố ý hoặc vô ý vi phạm các quy tắc quản lý nhà nước về kế toán nhưng chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt hành chính. Tùy theo mức độ hành vi vi phạm và thiệt hại do hành vi đó gây ra để xử phạt hành chính, kể cả hình thức phạt bổ sung và các biện pháp khác xét thấy cần thiết.

##### 2. Đối tượng xử phạt và phạm vi áp dụng.

a) Công dân Việt Nam từ 18 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hành chính về mọi vi phạm hành chính do mình gây ra trong lĩnh vực kế toán và phải bị xử phạt theo quy định tại Nghị định số 49/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ và theo hướng dẫn tại Thông tư này;

09660924

b) Các đơn vị, tổ chức trong hệ thống thu, chi ngân sách nhà nước và kinh phí đoàn thể; các tổ chức chính trị; tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức xã hội; tổ chức xã hội - nghề nghiệp; các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế và các hộ kinh doanh cá thể (dưới đây gọi tắt là tổ chức) phải chịu trách nhiệm hành chính về mọi vi phạm hành chính do tổ chức mình gây ra trong lĩnh vực kế toán và phải bị xử phạt theo quy định tại Nghị định số 49/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ và theo hướng dẫn tại Thông tư này;

c) Cá nhân và tổ chức nước ngoài hoạt động hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam, thuộc đối tượng phải thực hiện công tác kế toán theo luật định của Việt Nam, nếu có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán quy định tại Chương II Nghị định số 49/1999/NĐ-CP thì bị xử phạt như đối với công dân, tổ chức Việt Nam đã nêu trên. Trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác thì thực hiện theo điều ước đã ký.

### **3. Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán.**

Việc xử lý vi phạm hành chính phải do người có thẩm quyền xử phạt theo hướng dẫn tại Phần III của Thông tư này, theo nguyên tắc:

- a) Hành vi vi phạm do cá nhân gây ra thì xử phạt cá nhân;
- b) Hành vi vi phạm do tổ chức gây ra thì xử phạt tổ chức.

Tổ chức bị xử phạt phải thi hành quyết định xử phạt, đồng thời tiến hành xác định lỗi của từng cá nhân trực tiếp gây ra vi phạm hành chính đó để xử lý kỷ luật và trách nhiệm vật chất;

c) Một hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán chỉ bị xử phạt một lần; mỗi tổ chức hoặc cá nhân có nhiều hành vi vi phạm hành chính thì bị xử phạt về từng hành vi vi phạm;

nhiều cá nhân cùng có một hành vi vi phạm hành chính thì từng cá nhân vi phạm đều bị xử phạt;

d) Mọi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán khi phát hiện phải bị đình chỉ ngay và phải được xử lý công minh kịp thời, đúng thủ tục và nguyên tắc xử phạt đồng thời có biện pháp khắc phục hậu quả thích hợp;

e) Không xử phạt hành chính trong các trường hợp: Người vi phạm được giám định pháp y xác định là mắc bệnh tâm thần, mất khả năng nhận biết, không tự điều chỉnh được hành vi của mình trong thời gian xảy ra vi phạm.

### **4. Thời hiệu xử phạt.**

a) Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán là 2 năm kể từ ngày vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán được thực hiện;

b) Trường hợp vi phạm bị khởi tố, truy tố hoặc có quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục tố tụng hình sự nhưng có quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án của các cấp có thẩm quyền, thì bị xử phạt hành chính đối với hành vi có dấu hiệu vi phạm hành chính. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán đối với những trường hợp trên là 3 tháng kể từ ngày có quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án;

c) Trường hợp cá nhân hoặc tổ chức tiếp tục có hành vi vi phạm trong thời hiệu xử phạt hoặc cố tình trốn tránh, cản trở việc xử phạt thì không áp dụng thời hiệu xử phạt trên.

### **5. Trường hợp không xử phạt hành chính trong lĩnh vực kế toán.**

a) Không xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán nếu quá thời hiệu quy định tại Mục 4 Phần I Thông tư này mới phát hiện ra hành vi vi phạm;

b) Hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán có dấu hiệu phạm tội theo quy định của pháp luật, mà cơ quan chính quyền địa phương

hoặc cơ quan thanh tra tài chính đã chuyển hồ sơ đến cơ quan thẩm quyền giải quyết;

c) Hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán nếu dẫn đến việc trốn, lậu thuế thì phải xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế theo quy định hiện hành;

d) Người vi phạm là người mắc bệnh tâm thần hoặc bệnh cá biệt khác làm mất khả năng nhận thức hoặc mất khả năng tự điều chỉnh hành vi của mình;

e) Công dân chưa đủ 18 tuổi, nếu có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán thì áp dụng xử phạt theo Điều 6 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 06/7/1995;

f) Do các sự kiện bất ngờ, tình thế khẩn cấp, thiên tai địch họa gây ra mà cá nhân, tổ chức không thể biết trước hoặc buộc phải hành động để ngăn chặn nguy cơ thực tế gây ra tổn hại tới lợi ích chung.

## **6. Hình thức xử phạt hành chính trong lĩnh vực kế toán.**

Mỗi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, cá nhân, tổ chức phải chịu một trong các hình thức xử phạt chính sau đây:

- Cảnh cáo;
- Phạt tiền.

Ngoài ra, tổ chức, cá nhân vi phạm còn có thể bị áp dụng một hoặc nhiều hình thức xử phạt bổ sung và các biện pháp khác, như: tịch thu tang vật vi phạm, buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra.

## **7. Tình tiết giảm nhẹ xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán.**

Cá nhân, tổ chức đã có hành động:

a) Ngăn chặn làm giảm bớt tác hại của vi phạm hoặc tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại;

b) Vi phạm trong hoàn cảnh bị ép buộc, đặc biệt khó khăn hoặc bất khả kháng.

## **8. Tình tiết tăng nặng xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán.**

Cá nhân, tổ chức đã có hành động:

- a) Vi phạm có tổ chức;
- b) Vi phạm nhiều lần, có hệ thống hoặc tái phạm trong thời hiệu chịu quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán;
- c) Xúi giục, lôi kéo, ép buộc người phụ thuộc vào mình về vật chất, tinh thần để vi phạm;
- d) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để vi phạm;
- e) Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, thiên tai hoặc khó khăn đặc biệt khác của xã hội để vi phạm;
- f) Sau khi vi phạm đã có hành vi trốn tránh, che giấu vi phạm hành chính.

## **9. Căn cứ để kết luận hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, quyết định hình thức xử phạt và mức phạt.**

a) Các quy định tại Chương II về các hành vi vi phạm, hình thức xử phạt và mức xử phạt tại Nghị định số 49/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ và hướng dẫn tại Thông tư này;

b) Các văn bản quy phạm pháp luật về kế toán hiện hành của Việt Nam, như Pháp lệnh Kế toán và thống kê, Điều lệ Tổ chức kế toán nhà nước và các chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành do Bộ Tài chính ban hành hoặc thỏa thuận cho cơ quan có thẩm quyền ban hành.

## **II. CÁC HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC KẾ TOÁN, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ MỨC XỬ PHẠT**

Căn cứ vào quy định tại Chương II Nghị định số

49/1999/NĐ-CP, các hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt và mức xử phạt cụ thể, như sau:

### **1. Vi phạm về thẩm quyền ban hành và áp dụng chế độ kế toán.**

1.1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng nếu vi phạm lần đầu hoặc có tình tiết giảm nhẹ; phạt tiền đến 5.000.000 đồng nếu vi phạm lần thứ 2; nếu có tình tiết tăng nặng thì phạt tiền đến 10.000.000 đồng, đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Thực hiện không đúng các quy định của Nhà nước về thẩm quyền ban hành chế độ chứng từ kế toán, sổ kế toán, tài khoản kế toán và báo cáo tài chính hoặc những nguyên tắc quy định về chế độ kế toán;

b) Yêu cầu, quy định, hướng dẫn cấp dưới phải thực hiện các chứng từ kế toán, sổ kế toán, hệ thống tài khoản, biểu mẫu báo cáo tài chính sai với quy định của pháp luật hiện hành về kế toán;

c) Không đăng ký chế độ kế toán hoặc đăng ký chế độ kế toán chậm hơn thời hạn quy định hiện hành đối với các đơn vị phải đăng ký chế độ kế toán theo quy định, trừ trường hợp được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản cho phép kéo dài thời hạn đăng ký chế độ kế toán;

d) Sửa đổi chứng từ kế toán, sửa đổi sổ kế toán, sửa đổi báo cáo tài chính, mở thêm tài khoản hoặc thay đổi phương pháp hạch toán khi chưa được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản theo quy định.

1.2. Đối với những hành vi vi phạm tại các điểm a, b và d nêu trên thì bắt buộc đơn vị bị phạt thực hiện đúng quy định của chế độ kế toán hiện hành và áp dụng hình thức xử phạt bổ sung là tịch thu tang vật vi phạm hành chính.

### **2. Vi phạm nguyên tắc sử dụng chứng từ kế toán và tài khoản kế toán.**

2.1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.500.000

đồng nếu vi phạm lần đầu hoặc có tình tiết giảm nhẹ; phạt tiền đến 3.000.000 đồng nếu vi phạm lần thứ 2; nếu có tình tiết tăng nặng thì phạt đến 5.000.000 đồng, đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không tuân thủ nguyên tắc ghi chép chứng từ kế toán, kể cả chế độ chứng từ điện tử trong việc phản ánh các hoạt động kinh tế, tài chính phát sinh trên chứng từ kế toán;

b) Sử dụng các hóa đơn, chứng từ kế toán không đúng quy định của Bộ Tài chính hoặc không được cơ quan có thẩm quyền cho phép, kể cả việc ghi sai nội dung kinh tế trên hóa đơn, chứng từ; sử dụng hóa đơn, chứng từ giả hoặc hóa đơn, chứng từ hết thời hạn sử dụng; sử dụng mẫu hóa đơn tự in chưa được Bộ Tài chính chấp thuận;

c) Bán hóa đơn tài chính khống chỉ nhưng chưa gây hậu quả nghiêm trọng về mặt kinh tế. Trường hợp gây hậu quả nghiêm trọng thì phải chuyển cho cơ quan có thẩm quyền xử lý hình sự giải quyết;

d) Mua hóa đơn tài chính không đúng quy định về việc quản lý hóa đơn, chứng từ của Nhà nước;

e) Làm mất hóa đơn tài chính hoặc mất chứng từ kế toán không khai báo kịp thời cho các cơ quan quản lý chức năng theo quy định của Nhà nước.

Đối với các hành vi vi phạm tại điểm b, c, d, e nêu trên, nếu dẫn đến việc trốn, lậu thuế thì phải xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế theo quy định hiện hành.

2.2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng nếu vi phạm lần đầu hoặc có tình tiết giảm nhẹ; phạt đến 10.000.000 đồng nếu vi phạm lần 2; nếu có tình tiết tăng nặng thì phạt đến 15.000.000 đồng đối với hành vi cho đối tượng khác sử dụng tài khoản đơn vị để nhận tiền và chuyển tiền vi phạm kỷ luật quản lý tài chính, tiền tệ.

2.3. Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung là tịch thu tang vật vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định ở khoản 2.1 nêu trên (trừ trường hợp làm mất hóa đơn).

### **3. Giả mạo chứng từ kế toán, sổ kế toán, khai man và báo cáo số liệu kế toán sai sự thật.**

3.1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng nếu vi phạm lần đầu hoặc có tình tiết giảm nhẹ; phạt đến 10.000.000 đồng nếu vi phạm lần thứ 2; nếu có tình tiết tăng nặng thì phạt tiền đến 15.000.000 đồng, đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Giả mạo chứng từ kế toán, sổ kế toán: lập chứng từ khống; lập sai với nội dung nghiệp vụ kinh tế đã phát sinh; giả mạo chữ ký, con dấu; ghi sổ khống không có chứng từ kế toán chứng minh; lập hai hệ thống sổ kế toán có nội dung ghi khác nhau;

b) Khai man số liệu, báo cáo sai sự thật: lập báo cáo tài chính không đúng với sổ kế toán hoặc sai với thực tế;

c) Ép buộc người khác giả mạo chứng từ, sổ kế toán, khai man số liệu và báo cáo số liệu kế toán sai sự thật.

3.2. Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung là tịch thu tang vật vi phạm hành chính đối với các hành vi quy định tại điểm a, b trong khoản 3.1 nêu trên.

### **4. Vi phạm nguyên tắc kế toán về tính kịp thời và đầy đủ.**

4.1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 300.000 đồng đến 1.000.000 đồng nếu vi phạm lần đầu hoặc có tình tiết giảm nhẹ; phạt tiền đến 2.000.000 đồng nếu vi phạm lần thứ 2; nếu có tình tiết tăng nặng thì phạt đến 4.000.000 đồng, đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Ghi chép chứng từ kế toán không kịp thời theo quy định của chế độ kế toán: không lập chứng từ kế toán khi nghiệp vụ kinh tế đã xảy ra; không hoàn thành việc lập chứng từ khi nghiệp vụ kinh tế đã kết thúc;...

b) Ghi chép sổ kế toán không kịp thời theo quy định của chế độ kế toán: không ghi sổ kế toán hàng ngày đối với các sổ quy định phải ghi chép và khóa sổ hàng ngày; không ghi sổ kế toán khi kỳ kế toán đã kết thúc;...

c) Lập hoặc nộp báo cáo tài chính không kịp thời theo quy định của chế độ kế toán, kể cả trường hợp đã lập nhưng không nộp đúng thời hạn.

4.2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng nếu vi phạm lần đầu hoặc có tình tiết giảm nhẹ; phạt tiền đến 4.000.000 đồng nếu vi phạm lần thứ 2; nếu có tình tiết tăng nặng thì phạt tiền đến 7.000.000 đồng, đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Ghi chép chứng từ kế toán không đầy đủ theo quy định về mẫu biểu của chế độ kế toán;

b) Ghi sổ kế toán không đầy đủ theo quy định của chế độ kế toán;

c) Lập báo cáo tài chính không đầy đủ theo quy định của chế độ kế toán.

### **5. Vi phạm quy định về mở sổ, ghi sổ, khóa sổ kế toán và kiểm kê.**

5.1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng nếu vi phạm lần đầu hoặc có tình tiết giảm nhẹ; phạt tiền đến 1.000.000 đồng nếu vi phạm lần thứ 2; nếu có tình tiết tăng nặng thì phạt tiền đến 2.000.000 đồng, đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Mở sổ hoặc khóa sổ kế toán không đúng quy định của Nhà nước về kế toán: mở và khóa sổ kế toán không đúng theo niên độ kế toán và quy định của chế độ kế toán; không chuyển đúng số dư của niên độ cũ sang niên độ mới; không đối chiếu số liệu giữa các sổ kế toán;...

b) Ghi sổ kế toán không rõ ràng: lệch dòng; lệch cột; ghi bằng mực không đúng quy định;...

c) Sửa chữa sổ kế toán không đúng phương pháp quy định của chế độ kế toán; tẩy xóa sổ kế toán.

5.2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng nếu vi phạm lần đầu hoặc có tình tiết giảm nhẹ; phạt tiền đến 10.000.000 đồng nếu vi phạm lần thứ 2; nếu có tình tiết tăng nặng thì phạt tiền đến 15.000.000 đồng, đối với hành vi ghi chép hoặc tính toán số liệu trong sổ kế toán không đúng nội dung và phương pháp quy định của chế độ kế toán.

5.3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng nếu vi phạm lần đầu hoặc có tình tiết giảm nhẹ; phạt tiền đến 8.000.000 đồng nếu vi phạm lần thứ 2; nếu có tình tiết tăng nặng thì phạt tiền đến 15.000.000 đồng, đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Bán hàng không lập hóa đơn tài chính, không ghi sổ kế toán bán hàng;

b) Phản ánh không đúng doanh thu thực tế phát sinh như: bỏ một phần doanh thu hoặc tăng doanh thu khống trong niên độ báo cáo.

Đối với các hành vi vi phạm tại điểm a, b nêu trên, nếu dẫn đến việc trốn, lậu thuế thì phải xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế theo quy định hiện hành.

5.4. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng nếu vi phạm lần đầu hoặc có tình tiết giảm nhẹ; phạt đến 4.000.000 đồng nếu vi phạm lần thứ 2; nếu có tình tiết tăng nặng thì phạt tiền đến 7.000.000 đồng, đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định của Nhà nước về kiểm kê tài sản: không thực hiện kiểm kê vào các thời điểm quy định; không đối chiếu sổ sách và so sánh số liệu kiểm kê và thực tế theo quy định;...

b) Không xử lý hoặc xử lý sai kết quả kiểm kê tài sản theo quy định của Nhà nước.

5.5. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng nếu vi phạm lần đầu hoặc có tình tiết giảm nhẹ; phạt tiền đến 15.000.000 đồng nếu vi phạm lần thứ 2; nếu có tình tiết tăng nặng thì phạt tiền đến 20.000.000 đồng đối với hành vi để ngoài sổ kế toán các loại tài sản và tiền vốn.

Ngoài việc bị xử phạt, tổ chức và cá nhân vi phạm còn phải có trách nhiệm truy nộp cho Nhà nước giá trị thiệt hại do hành vi vi phạm hành chính về kế toán nêu trên gây ra.

## 6. Vi phạm chế độ báo cáo và cung cấp tài liệu kế toán.

Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng nếu vi phạm lần đầu hoặc có tình tiết giảm nhẹ; phạt tiền đến 8.000.000 đồng nếu vi phạm lần thứ 2; nếu có tình tiết tăng nặng thì phạt tiền đến 15.000.000 đồng, đối với một trong các hành vi sau đây:

6.1. Lập báo cáo tài chính không đúng theo biểu mẫu quy định của các cơ quan có thẩm quyền;

6.2. Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định về cung cấp tài liệu kế toán liên quan đến thực hiện hoạt động kinh tế đã ký kết với nước ngoài và các quan hệ kinh tế khác theo yêu cầu của các cơ quan chức năng theo quy định của pháp luật;

6.3. Không báo cáo, báo cáo sai hoặc báo cáo không đầy đủ các nội dung theo yêu cầu của Nhà nước, hoặc cơ quan có thẩm quyền đã quy định về tình hình vay và sử dụng vốn vay nợ nước ngoài không qua Nhà nước và hệ thống tài chính, ngân hàng trong nước theo quy định của pháp luật;

6.4. Không nộp báo cáo tài chính định kỳ theo quy định của cơ quan tài chính, ngân hàng về hoạt động kinh tế của đơn vị ở nước ngoài;

6.5. Báo cáo tài chính không được kiểm toán theo quy định của pháp luật.

### 7. Vi phạm chế độ kiểm tra về kế toán.

7.1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng nếu vi phạm lần đầu hoặc có tình tiết giảm nhẹ; phạt tiền đến 8.000.000 đồng nếu vi phạm lần thứ 2; nếu có tình tiết tăng nặng thì phạt tiền đến 15.000.000 đồng, đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Gây cản trở việc kiểm tra hoặc không thực hiện kiến nghị của tổ chức kiểm tra về kế toán mà không có lý do chính đáng;

b) Trì hoãn, lẩn tránh hoặc cố ý không cung cấp các tài liệu, chứng từ, sổ kế toán, báo cáo tài chính hoặc không báo cáo theo yêu cầu của tổ chức kiểm tra;

c) Sửa chữa, thay đổi chứng từ kế toán, sổ kế toán trong khi tiến hành thanh tra, kiểm tra về tài chính, kế toán. Không thực hiện chế độ tự kiểm tra kế toán theo quy định của Nhà nước;

d) Không thực hiện lệnh niêm phong hoặc niêm phong không đúng quy định hồ sơ, tài liệu, chứng từ, sổ kế toán, kết quỹ, tài sản của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

e) Tự ý tháo bỏ, di chuyển hoặc có hành vi khác làm thay đổi tình trạng niêm phong kho, két quỹ, vàng bạc, đá quý, chứng từ, sổ kế toán, hồ sơ vay trả, thế chấp, bảo lãnh hoặc các tang vật đang bị niêm phong, tạm giữ mà chưa gây hậu quả. Đối với hành vi này, tổ chức, cá nhân phát hiện ra hành vi vi phạm cần xem xét kỹ mức độ vi phạm, nếu có dấu hiệu hình sự thì phải lập hồ sơ và chuyển cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết vi phạm hình sự thụ lý để giải quyết.

7.2. Áp dụng biện pháp khác là buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với các hành vi sửa chữa, thay đổi chứng từ kế toán, sổ kế toán; hành vi tự ý tháo bỏ, di chuyển hoặc thay đổi tình

trạng niêm phong kho, két, chứng từ, sổ kế toán, hồ sơ hoặc các tang vật bị niêm phong.

### 8. Vi phạm chế độ lưu trữ chứng từ kế toán, sổ kế toán, báo cáo tài chính.

8.1. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng nếu vi phạm lần đầu hoặc có tình tiết giảm nhẹ; phạt tiền đến 2.000.000 đồng nếu vi phạm lần thứ 2; nếu có tình tiết tăng nặng thì phạt tiền đến 4.000.000 đồng, đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Lưu trữ hồ sơ, tài liệu kế toán không đúng quy định;

b) Sử dụng tài liệu kế toán đang lưu trữ không đúng quy định.

8.2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng nếu vi phạm lần đầu hoặc có tình tiết giảm nhẹ; phạt tiền đến 4.000.000 đồng nếu vi phạm lần thứ 2; nếu có tình tiết tăng nặng thì phạt tiền đến 7.000.000 đồng, đối với một trong các hành vi sau đây: để hư hỏng, mất chứng từ kế toán, sổ kế toán, báo cáo tài chính đang trong thời hạn lưu trữ do thiếu tinh thần trách nhiệm.

8.3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng nếu vi phạm lần đầu hoặc có tình tiết giảm nhẹ; phạt tiền đến 8.000.000 đồng nếu vi phạm lần thứ 2; nếu có tình tiết tăng nặng thì phạt tiền đến 15.000.000 đồng, đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Hủy bỏ chứng từ kế toán, sổ kế toán, báo cáo tài chính khi chưa hết thời hạn quy định về lưu trữ;

b) Hủy bỏ chứng từ kế toán, sổ kế toán, báo cáo tài chính hết thời hạn lưu trữ không đúng thủ tục quy định;

c) Hủy bỏ chứng từ kế toán, sổ kế toán, báo cáo tài chính hết thời hạn lưu trữ không đúng hoặc vượt quá quyền hạn.

**9. Vi phạm về nguyên tắc tổ chức kế toán.**

9.1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng nếu vi phạm lần đầu hoặc có tình tiết giảm nhẹ; phạt tiền đến 10.000.000 đồng nếu vi phạm lần thứ 2; nếu có tình tiết nặng thì phạt tiền đến 15.000.000 đồng, đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Bố trí cán bộ kế toán kiêm nhiệm thủ kho, thủ quỹ, tiếp liệu không đúng quy định của Nhà nước về kế toán;

b) Bố trí người làm công việc kế toán, thủ kho, thủ quỹ mà quy định của Nhà nước về kế toán không cho phép;

c) Không bố trí người hoặc không tổ chức bộ phận làm công tác kế toán theo quy định của Nhà nước về kế toán.

9.2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng nếu vi phạm lần đầu hoặc có tình tiết giảm nhẹ; phạt tiền đến 15.000.000 đồng nếu vi phạm lần thứ 2; nếu có tình tiết tăng nặng thì phạt tiền đến 20.000.000 đồng, đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Bổ nhiệm kế toán trưởng là người có tiền án, tiền sự mà pháp luật quy định đang trong thời hạn cấm đảm nhiệm chức vụ này hoặc đã bị kỷ luật do vi phạm nghề nghiệp kế toán, tài chính;

b) Bổ nhiệm người không đủ điều kiện về trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác kế toán thực tế theo tiêu chuẩn quy định làm kế toán trưởng.

9.3. Áp dụng biện pháp khác là buộc phải chuyển vị trí được bố trí hoặc bổ nhiệm đối với các trường hợp bố trí cán bộ và bổ nhiệm kế toán trưởng nêu trên.

**10. Chuyển hồ sơ vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán để truy cứu trách nhiệm hình sự.**

a) Khi xét thấy hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán ở mức độ nghiêm trọng, có dấu hiệu tội phạm thì người có thẩm quyền phải chuyển ngay hồ sơ cho cơ quan xử lý hình sự có thẩm quyền giải quyết.

b) Nghiêm cấm việc giữ lại các vụ vi phạm trong lĩnh vực kế toán có dấu hiệu tội phạm để xử lý hành chính.

### III. THẨM QUYỀN XỬ PHẠT, TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN BỊ XỬ PHẠT, THỦ TỤC XỬ PHẠT

**1. Thẩm quyền xử phạt hành chính trong lĩnh vực kế toán.**

a) Thanh tra viên chuyên ngành tài chính (cả thanh tra viên cơ quan thuế) các cấp đang thi hành công vụ có quyền phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền 200.000 đồng đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán quy định tại khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 12 Nghị định số 49/1999/NĐ-CP.

Trường hợp cần thiết có thể áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung, và các biện pháp khác quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 11 Nghị định số 49/1999/NĐ-CP.

b) Chánh thanh tra chuyên ngành tài chính thuộc Sở Tài chính - Vật giá có quyền phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền tổng cộng đến 10.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán quy định tại Chương II Nghị định số 49/1999/NĐ-CP.

Trường hợp cần thiết có thể áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung và các biện pháp khác quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 11, Điều 13 Nghị định số 49/1999/NĐ-CP.



c) Chánh thanh tra chuyên ngành tài chính thuộc Bộ Tài chính có quyền phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền tổng cộng đến 20.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán quy định tại Chương II Nghị định số 49/1999/NĐ-CP.

Trường hợp cần thiết có thể áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung và các biện pháp khác quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 11, Điều 13 Nghị định số 49/1999/NĐ-CP.

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh có quyền phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền tổng cộng đến 10.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán quy định tại Chương II Nghị định số 49/1999/NĐ-CP.

Trường hợp cần thiết có thể áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung và các biện pháp khác quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 11, Điều 13 Nghị định số 49/1999/NĐ-CP.

e) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có quyền phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền tổng cộng đến 100.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán quy định tại Chương II Nghị định số 49/1999/NĐ-CP.

Trường hợp cần thiết có thể áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung và các biện pháp khác quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 11, Điều 13 Nghị định số 49/1999/NĐ-CP.

## **2. Ủy quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán.**

Trong trường hợp những người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 và 3 Điều 15; khoản 1 và 2 Điều 16 của Nghị định số 49/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ vắng mặt hoặc được sự ủy quyền của họ, thì cấp phó của người đó có thẩm quyền xử phạt theo thẩm quyền của họ.

## **3. Phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán.**

- Ủy ban nhân dân cấp quận, huyện, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán thuộc địa phương;

- Cơ quan thanh tra chuyên ngành tài chính các cấp có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán thuộc mình quản lý;

- Các cơ quan khác không thuộc thẩm quyền xử phạt hành chính trong lĩnh vực kế toán nêu trên khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán có trách nhiệm lập biên bản về hành vi vi phạm và chuyển hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

- Trường hợp cơ quan có thẩm quyền xử phạt xét thấy hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán vượt quá thẩm quyền của mình thì phải chuyển hồ sơ cho cấp có thẩm quyền giải quyết.

- Trường hợp hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán thuộc thẩm quyền xử phạt của nhiều cơ quan có thẩm quyền xử phạt thì việc xử phạt vi phạm hành chính do cơ quan thụ lý đầu tiên thực hiện.

## **4. Thủ tục xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán.**

Thủ tục xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán thực hiện theo quy định tại Chương VI của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 06/7/1995, được hướng dẫn cụ thể như sau:

- Trường hợp phạt cảnh cáo được áp dụng nếu vi phạm lần đầu, do nguyên nhân khách quan hoặc có tình tiết giảm nhẹ. Việc quyết định cảnh cáo phải được thực hiện bằng văn bản, khi xét thấy cần thiết, cơ quan ra quyết định xử phạt có thể gửi quyết định xử phạt đến chính quyền địa

phương nơi người vi phạm cư trú hoặc cơ quan quản lý người vi phạm;

- Khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, cơ quan phát hiện có quyền ra lệnh đình chỉ ngay và tiến hành lập biên bản về vi phạm hành chính. Biên bản phải được lập thành ít nhất 2 bản và có đầy đủ chữ ký của người lập biên bản, người vi phạm, người đại diện cho đơn vị có người vi phạm;

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày lập biên bản, cơ quan có thẩm quyền xử phạt phải ra quyết định xử phạt. Trường hợp vi phạm có nhiều tình tiết phức tạp cần phải xác minh thì thời hạn trên có thể được kéo dài nhưng không quá 1 tháng;

- Trường hợp ra quyết định phạt tiền từ 2.000.000 đồng trở lên phải gửi cho Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp được biết;

- Khi quyết định xử phạt một người thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính, thì người có thẩm quyền quyết định hình thức xử phạt đối với từng hành vi vi phạm; nếu các hình thức xử phạt là phạt tiền thì phải được tổng cộng lại thành mức phạt. Trường hợp nhiều người cùng vi phạm một hoặc nhiều hành vi vi phạm hành chính thì từng người đều phải được ra quyết định xử phạt riêng;

- Quyết định xử phạt có hiệu lực ngay kể từ ngày ký, trừ trường hợp có quy định cụ thể và được gửi cho tổ chức và cá nhân bị phạt trong thời hạn 3 ngày. Tổ chức, cá nhân bị xử phạt phải thi hành ngay quyết định xử phạt kể từ ngày được giao quyết định xử phạt.

#### **5. Cường chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán.**

Việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán thực hiện theo quy định tại Điều 55 của Pháp lệnh Xử

lý vi phạm hành chính ngày 06/7/1995, được hướng dẫn cụ thể như sau:

- Sau thời hạn 5 ngày kể từ ngày nhận quyết định xử phạt, nếu tổ chức, cá nhân bị xử phạt không tự giác thi hành thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chánh thanh tra chuyên ngành tài chính cấp Sở Tài chính và cấp Bộ Tài chính được quyền:

+ Yêu cầu Ngân hàng, Kho bạc Nhà nước hoặc các tổ chức tín dụng khác trích tiền từ tài khoản của tổ chức, cá nhân đã bị ra quyết định xử phạt để nộp phạt.

Các tổ chức tín dụng trên sau khi nhận được công văn kèm quyết định xử lý vi phạm phải có trách nhiệm căn cứ vào số tiền ghi trong quyết định xử phạt thực hiện chế độ ưu tiên trích tiền nộp phạt.

+ Phối hợp với các cơ quan chức năng khác cùng áp dụng các biện pháp cưỡng chế khác để thi hành quyết định xử phạt.

- Mọi trường hợp vi phạm hành chính áp dụng hình thức phạt tiền, khi thu tiền phạt, cơ quan thu tiền phải sử dụng biên lai do Bộ Tài chính phát hành. Tiền phạt thu được phải nộp vào ngân sách nhà nước theo đúng chương, loại, khoản, hạng mục theo quy định của Mục lục ngân sách nhà nước. Chế độ quản lý biên lai thu tiền và nguyên tắc trích thưởng tiền phạt thực thu được thực hiện theo các văn bản hiện hành của Nhà nước.

- Việc xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính thu được được thực hiện theo quy định tại Điều 52 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 06/7/1995.

#### **6. Thời hiệu thi hành quyết định xử phạt hành chính trong lĩnh vực kế toán.**

- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính

09681924  
Tel: +84-8-3845 6684 \* www.ThuVienPhapLuat.com

trong lĩnh vực kế toán hết hiệu lực thi hành sau một năm kể từ ngày ra quyết định. Trong thời gian này nếu cá nhân, tổ chức tiếp tục vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán thì bị coi là vi phạm nhiều lần và được coi là căn cứ để xét các tình tiết tăng nặng khi xem xét để ra quyết định xử phạt. Hết thời hạn trên, nếu cá nhân, đơn vị tiếp tục vi phạm thì được coi là vi phạm lần đầu.

- Trường hợp cá nhân, tổ chức bị xử phạt cố tình trốn tránh, trì hoãn thi hành quyết định xử phạt thì không áp dụng thời hiệu quy định tại Điều này.

#### IV. KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

##### 1. Khiếu nại, tố cáo.

Khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán quy định tại Điều 24 của Nghị định số 49/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán được thực hiện theo quy định tại các Điều 87, 88 và 90 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 06/7/1995.

##### 2. Thẩm quyền giải quyết khiếu nại.

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp quận, huyện, thành phố trực thuộc tỉnh giải quyết khiếu nại đối với quyết định của mình về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giải quyết khiếu nại đối với quyết định của mình và quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp quận, huyện về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán;

b) Chánh thanh tra chuyên ngành tài chính giải quyết khiếu nại đối với quyết định của mình và

của thanh tra viên cùng cấp về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán;

c) Giám đốc Sở Tài chính - Vật giá các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giải quyết khiếu nại đối với quyết định giải quyết khiếu nại của Chánh thanh tra Sở Tài chính - Vật giá về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán;

d) Bộ trưởng Bộ Tài chính theo chức năng và quyền hạn quản lý nhà nước về kế toán giải quyết khiếu nại đối với quyết định giải quyết lần đầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; của Giám đốc Sở Tài chính - Vật giá tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; của Chánh thanh tra chuyên ngành tài chính thuộc Bộ Tài chính về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán.

#### V. KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

##### 1. Khen thưởng.

Những cá nhân, tổ chức đã có công trong những việc sau thì được xét khen thưởng:

+ Phát hiện tố cáo các cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán;

+ Ngăn chặn được vi phạm, hạn chế được các thiệt hại nghiêm trọng do vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán;

+ Trực tiếp tham gia kiểm tra, thanh tra phát hiện, ra quyết định xử phạt và đôn đốc thực hiện quyết định xử phạt có hiệu quả đều được xét đề nghị khen thưởng kịp thời theo quy định của Nhà nước (kể cả tinh thần và vật chất).

##### 2. Kỷ luật.

Người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính

trong lĩnh vực kế toán có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán hoặc không chấp hành quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật hiện hành.

## VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày có hiệu lực thi hành của Nghị định số 49/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ.

Trong quá trình thực hiện, nếu có những vướng mắc đề nghị các đơn vị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu giải quyết./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính  
Thủ trưởng

TRẦN VĂN TÁ

**THÔNG TƯ số 91/2000/TT-BTC ngày 06/9/2000 hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 09/2000/NQ-CP ngày 15/6/2000 của Chính phủ về miễn thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp trên khâu lưu thông để khuyến khích tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.**

Căn cứ Nghị định số 28/1998/NĐ-CP ngày 11/5/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng;

Căn cứ Nghị định số 30/1998/NĐ-CP ngày

13/5/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;

Căn cứ điểm 3a Phần II Nghị quyết số 09/2000/NQ-CP ngày 15/6/2000 của Chính phủ về một số chủ trương và chính sách về chuyển dịch cơ cấu kinh tế và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp được áp dụng: "Miễn thuế buôn chuyển về hàng hóa nông sản".

Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện như sau:

1. Các tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh buôn chuyển (gọi chung là cơ sở kinh doanh buôn chuyển) không phải nộp thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động kinh doanh buôn chuyển các loại hàng hóa là nông sản sản xuất trong nước chưa qua chế biến.

Các loại hàng hóa nông sản sản xuất trong nước chưa qua chế biến bao gồm:

+ Sản phẩm trồng trọt như: Lúa, ngô, khoai sắn, các loại rau, củ, quả, tươi sống, sản phẩm rừng trồng như: cây lấy gỗ, cây lấy dầu.

+ Sản phẩm chăn nuôi như: Các loại gia súc, gia cầm, trứng gia cầm, các sản phẩm thủy sản nuôi trồng.

2. Hàng hóa nông sản được miễn thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp trên khâu lưu thông (kinh doanh buôn chuyển) khi vận chuyển trên đường vẫn phải có hóa đơn hoặc bản kê mua hàng theo chế độ quy định.

3. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày ký. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để hướng dẫn bổ sung./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính  
Thủ trưởng

VŨ VĂN NINH